TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/LĐ-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v Tranh chấp tiền lương,trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoài Quốc
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Vũ Bằng
Ông Huỳnh Văn Màu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Từ ngày 02 tháng 4 năm 2019 đến ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-LĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp tiền lương,trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST –LĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn TA sinh năm 1982; cư trú ấp P, xã HH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh; có mặt

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC; trụ sở: ấp GG, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị KN sinh năm 1988, chức vụ: giám đốc; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị C sinh năm 1992; cư trú: ấp CT, xã TLH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt

2. Chị Đặng Thị YN sinh năm 1992; cư trú: khóm A, phường B, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn TA trình bày: Ngày 02-01-2017 anh A ký kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC do bà Nguyễn Thị KN làm giám đốc, công việc là chỉ huy trưởng công trường với mức lương 12.000.000 đồng/tháng. Đến ngày 18-4-2017 anh A bắt đầu làm việc, trong

quá trình thực hiện hợp đồng lao động anh A chấp hành đúng hợp đồng, không vi phạm nội quy lao động và kỷ luật lao động. Anh A đã làm việc với Công ty từ ngày 18-4-2017 đến ngày 16-8-2018 được 15 tháng 28 ngày thì bà N giám đốc Công ty có thông báo miệng cho anh A được biết là Công ty tạm thời không có công trình nào, nên yêu cầu anh A nghỉ việc, nhưng bà N không chấm dứt hợp đồng lao động với anh A. Kể từ khi anh A làm việc cho Công ty đến nay là 15 tháng 28 ngày nhưng anh A chỉ nhận được tiền tạm ứng 8.000.000 đồng, như vậy công ty còn nợ lương của anh A là 183.200.000 đồng. Nay anh A yêu cầu công ty thanh toán số tiền lương còn nợ là 183.200.000 đồng và 03 tháng lương trợ cấp thôi việc là 36.000.000 đồng.

- *Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng chị Lê Thị C trình bày:* chị làm việc tại công ty từ tháng 5/2017 đến hết năm 2017 với chức vụ là kế toán, cùng làm kế toán với chị có chị Đặng Thị YN cùng phụ trách lương, hợp đồng nhân viên công ty, còn về quyết toán thì công ty thuê kế toán khác chị không biết. Khi chị C vào làm thì anh A đã làm việc tại công ty nhưng chị không biết thời gian nào. Về hợp đồng lao động và tiền lương của anh A, chị không biết về hợp đồng lao động của anh A vì chị vào làm sau, còn tiền lương của anh A là 12.000.000 đồng/tháng, chị không biết vì việc chi trả lương này do chị Nhung giám đốc chi trả, chị Nhung có chi trả bao nhiêu cho anh A nhưng không nói kế toán làm chứng từ nên chị không biết, còn về khoảng thời gian anh A làm cho Công ty như anh A trình bày là đúng một phần, bởi vì khoảng tháng 4 năm 2018 khi chị nghỉ việc Công ty, nhưng bà N có nói chị phụ việc cho bà N ở thành phố Trà Vinh thì lúc này chị thấy anh A có làm việc với chị Nhung, chị làm việc với bà N khoảng nữa tháng thì nghỉ, còn khoảng thời sau chị hoàn toàn không biết.

- *Theo biên bản ghi lời khai người làm chứng Đặng Thị YN trình bày:* chị làm việc tại công ty từ ngày 02-01-2017 đến ngày 12-02-2018 thì nghỉ việc với chức vụ kế toán phụ trách tiền lương. Khi chị C vào làm kế toán của công ty thì chị giao lại việc tính lương cho chị C, chị chỉ phụ trách đối chiếu tính lương với chị C. Anh A làm việc tại công ty vào tháng 4/2017 là đúng, lương tháng ban đầu của anh A hưởng chỉ 8.000.000 đồng, sau đó khoảng 3 tháng sau tăng lên 12.000.000 đồng, tuy nhiên việc chi lương cho anh A là do bà N chi và bà N không yêu cầu chị làm chứng từ nên chị cũng không rõ căn cứ nào xác thực để nói anh A lúc đầu lãnh lương 8.000.000 đồng, việc anh A có nhận 8.000.000 đồng của Công ty về việc ứng lương là có thật, đến tháng 3/2018 thì chị nghỉ việc nên khoảng thời gian sau chị không rõ.

- *Theo tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện như sau:*

+ Hợp đồng lao động của anh A: ghi hợp đồng được ký kết ngày 02-01-2017, loại hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương 12.000.000 đồng/tháng, công việc: chỉ huy trưởng công trường, lương trả hàng tháng, thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng là 30 ngày.

+ Theo Công văn không số đề tháng 01 năm 2019 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh trả lời: Công ty TNHH MTV

dịch vụ kỹ thuật MT INC được thành lập ngày 01-3-2016, địa chỉ trụ sở tại ấp GG, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh do bà Nguyễn Thị KN là người đại diện theo pháp luật, hiện nay công ty tạm thời khóa hoạt động kinh doanh do doanh nghiệp vi phạm thông báo số 2531/TC-CCT, ngày 10-10-2018 của Chi cục thuế thị xã DH về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Phòng Đăng ký kinh doanh có thông báo số QDCB/28663, ngày 15-10-.2018 về việc yêu cầu Doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định. Sau khi Doanh nghiệp có giải trình và hoàn tất thủ tục, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ lập thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định.

Đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC dù được tống đạt hợp lệ nhưng vắng và không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn và cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên đối chất, hòa giải, và tại phiên tòa và cũng không cung cấp các chứng cứ tài liệu gì cho Tòa án

Về nội dung: anh A làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC từ ngày 18-4-2017 và nghỉ việc tại công ty ngày 16-8-2018, là 15 tháng 28 ngày, tại phiên tòa anh A rút một phần yêu cầu này cụ thể chỉ yêu cầu tính thời gian làm việc từ 18-4-2017 đến ngày 06-7-2018 là 14 tháng 18 ngày, còn về tiền lương an An cũng rút một phần yêu cầu cụ thể chỉ yêu cầu tính lương 03 tháng đầu với mức lương 8.000.000 đồng/tháng, còn các tháng về sau với mức lương 12.000.000 đ/tháng, tổng cộng khoản lương này 163.200.000 đồng, nhưng anh A đã nhận tạm ứng của Công ty 8.000.000 đ, do đó khoản tiền lương mà anh A yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC là có căn cứ, bởi lẽ căn cứ vào hợp đồng lao động cũng như những người làm chứng đều xác định thời gian anh A làm việc vào ngày 18-4-2017 là đúng, còn về thời gian nghỉ việc anh A cho rằng vào ngày 06-7-2018 trên cơ sở anh A cung cấp tin nhắn của bà N là giám đốc Công ty yêu cầu anh A chấm dứt làm việc với công ty vào ngày 06-6-2018 đối chiếu với Điều 4 tại hợp đồng lao động được ký kết giữa anh A với Công ty thì người sử dụng lao động và người lao động đều có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, tuy nhiên việc đơn phương chấm dứt này

phải thông báo cho bên còn lại biết trước 30 ngày, do đó việc anh A tính thời điểm kết thúc làm việc tại Công ty vào ngày 06-7-2018 là có căn cứ. Đối với yêu cầu của anh A yêu cầu được trợ cấp thôi việc, tại phiên tòa anh A rút lại một phần chỉ yêu cầu theo quy định pháp luật là có căn cứ, vì theo quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động thì người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên được trợ cấp thôi việc bằng ½ tháng lương tương ứng với số tiền 6.000.000 đồng. Từ cơ sở phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC trả tiền lương 155.200.000 đ và tiền trợ cấp thôi việc là 6.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là: 161.200.000 đồng; Đình chỉ một phần đối các yêu cầu mà anh A đã rút gồm thời gian tính lương, tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc buộc Công ty chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn anh Nguyễn TA khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC thanh toán tiền lương, trợ cấp thôi việc . Căn cứ Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về tiền lương,trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC có trụ sở tại ấp GG, xã DT, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ lần thứ 02 quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC và hai người làm chứng gồm chị Ngọc và chị C đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC và hai người làm chứng này.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh A tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể anh A cho rằng 03 tháng lương đầu tiên anh A chỉ yêu cầu mức lương 8.000.000 đ/tháng và anh A nhận được 01 tháng, còn 02 tháng tính cho anh A với mức 8.000.000đ/tháng, thời gian làm việc anh A yêu cầu từ ngày 18-4-2017 đến ngày 16-8-2018, nay anh A rút lại một phần chỉ tính từ ngày 18-4-2017 đến ngày 06-7-2018, trợ cấp thôi việc anh A rút lại chỉ yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Việc anh A rút lại các yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu mà anh A đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh A, Hội đồng xét xử xét thấy: theo hợp đồng lao động số 01 ngày 02-01-2017 được ký kết giữa anh A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC thể hiện đây là hợp đồng

không xác định thời hạn, công việc anh A làm chỉ huy trưởng công trường với mức lương 12.000.000 đồng/tháng, lương được trả hàng tháng, chấm dứt hợp đồng đơn phương phải báo trước 30 ngày. Xét thấy hợp đồng đã thể hiện cơ bản đầy đủ về nội dung về hợp đồng lao động theo Điều 23 Bộ luật lao động. Tuy nhiên về các chế độ bảo hiểm các bên thỏa thuận không tham gia là ảnh hưởng đến quyền lợi người lao động, do đó hợp đồng bị vô hiệu một phần về điều khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp, vì: theo Điều 3 mục 2 Thông tư 30/2013/TT-BLĐTBXH ngày 25-10-2013 quy định *"Hợp đồng lao động giao kết đầu tiên mà người sử dụng lao động và người lao động có trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2013/NĐ-CP là hợp đồng lao động có thời điểm ký kết đầu tiên trong số hợp đồng lao động mà người lao động đã tham gia ký kết"*

[6] Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động: Hội đồng xét xử xét thấy việc chấm dứt hợp đồng lao động trên cơ sở đơn phương của người sử dụng lao động, cụ thể bà N là giám đốc Công ty đã nhắn tin qua số điện thoại của anh A yêu cầu anh A chấm dứt làm việc cho Công ty, tin nhắn này từ số điện thoại của bà N giám đốc Công ty và thời gian điện thoại anh A nhận tin nhắn này vào lúc 07 giờ 05 phút, ngày 06-6-2018.

[7] Về thời gian làm việc, nghỉ việc: theo lời khai của anh A, người làm chứng chị N và chị C đều thể hiện anh A làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC từ ngày 18-4-2017; về thời gian nghỉ việc: theo lời khai của anh An cũng như các chứng cứ anh A cung cấp bổ sung thì bà N giám đốc công ty có nhắn tin từ máy điện thoại của bà N vào số điện thoại của anh A vào ngày 06 tháng 6 năm 2018 với nội dung: (A về nhà đi dung ơ tren nữa cung không có gì làm, Công trình dưới này xong roi và cty e k con hoạt động nưa..!), qua đó đối chiếu với Điều 4 hợp đồng lao động số 01 ngày 02-01-2017 được ký kết giữa anh A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC về việc các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động phải báo trước 30 ngày, tại tòa sơ thâm anh A yêu cầu ngày anh kết thúc làm việc với công ty là ngày 06-7-2018 là có căn cứ, do đó việc anh A làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC ngày 18-4-2017, nghỉ việc ngày 06-7-2018 là có căn cứ. Thời gian làm việc của anh A tại công ty là: 14 tháng 18 ngày.

[8] Về mức lương: theo hợp đồng lao động số 01 ngày 02-01-2017 được ký kết giữa anh A với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC thể hiện mức lương 12.000.000 đồng/tháng, người làm chứng là chị N và chị C là kế toán của công ty khai lương của anh A trong 03 tháng đầu là 8.000.000 đồng/tháng, tại phiên tòa sơ thẩm anh A cũng thống nhất mức lương 03 tháng đầu tiên anh A lĩnh chỉ 8.000.000 đ/tháng, còn từ ngày 18-7 đến ngày 06-7-2018 anh A lĩnh 12.000.000 đồng/tháng là có căn cứ phù hợp lời khai của người làm chứng cũng như hợp đồng lao động mà anh A ký kết với Công ty.

[9] Về thanh toán tiền lương: Anh A khai nhận từ khi làm việc cho đến nay anh A chỉ tạm ứng được 8.000.000 đồng, ngoài ra chưa nhận khoản tiền lương nào, lời khai của anh A phù hợp lời khai của hai người làm chứng là chỉ chi cho anh A được 8.000.000 đồng, còn các khoản chi khác do bà N trực tiếp chi cho anh A và bà N không yêu cầu làm chứng từ nên không có chứng từ nào chứng minh việc Công ty có chi trả khoản tiền lương nào cho anh A. Tòa án sơ thẩm cũng yêu cầu phía Công ty cung cấp các chứng cứ chứng minh cho việc chi trả lương cho anh A nhưng phía Công ty không cung cấp.Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A là thời gian làm việc của anh A tại Công ty 14 tháng 18 ngày = (8.000.000 đồng x 3 tháng) + (11 tháng 18 ngày x 12.000.000 đồng/tháng)= 163.200.000 đồng nhưng trừ khoản tiền anh A nhận 8.000.000 đồng, như vậy công ty còn nợ lương của anh A là 155.200.000 đồng, buộc Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC phải trả cho anh A số tiền lương 155.200.000 đồng.

[10] Về tiền trợ cấp thôi việc: Anh A yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC trả số tiền 36.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa anh A chỉ yêu cầu giải quyết khoản trợ cấp này theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: tại Điều 48 Bộ luật lao động quy định người lao động làm việc từ 12 tháng trở lên thì mỗi năm làm việc được trợ cấp nữa tháng tiền lương, như vậy anh A làm việc công ty là 14 tháng 18 ngày tương ứng được hưởng trợ cấp nửa tháng lương. Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A về tiền trợ cấp thôi việc với số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền Công ty phải trả cho anh A gồm tiền lương và trợ cấp thôi viêc là 161.200.000 đồng

Về án phí: Người khởi kiện anh A có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho anh A. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Các Điều 22, 23, 36, 37, 48, 50 Bộ luật lao động; các Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 -12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn TA yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC trả khoản tiền lương 155.200.000 đồng và tiền trợ cấp thôi việc theo quy định pháp luật.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC trả cho anh Nguyễn TA khoản tiền lương 155.200.000 đồng và tiền trợ cấp thôi việc theo quy định pháp luật 6.000.000 đồng. Tổng cổng hai khoản là 161.200.000 đồng

2.Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh A về khoản tiền lương 03 tháng đầu tiên từ 12.000.000 đồng/tháng còn 8.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc từ 18-4-2017 đến ngày 16-8-2018, nay chỉ tính từ ngày 18-4-2017 đến ngày 06-7-2018, trợ cấp thôi việc từ 36.000.000 đồng nay còn 6.000.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn TA không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ kỹ thuật MT INC chịu 4.836.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hoài Quốc